

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 11 tháng 10 năm 2026

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	414	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm	19	Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	395	Học sinh	Tiền ăn:	8,000 đồng	= 3,160,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	395	Học sinh	Tiền ăn:	26,000 đồng	= 10,270,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	395	Học sinh	Tiền ăn:	26,000 đồng	= 10,270,000 đồng
8.	Tiền thu:	23,700,000	đồng			
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	23,700,000	đồng			
10.	Tiền thiếu:	0	đồng			

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	118.5	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20.0	50.000	1.000.000	
3	Nước mắm	Lít	0.0	20.000	-	
4	Mỳ chính	Kg	4.0	65.000	260.000	
5	Bột canh	Kg	5.0	25.000	125.000	

6	Muối trắng	Kg		8.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	10.0	12.000	120.000	
8	Nước lau nhà	Lít	10.0	21.500	215.000	
9	Gas đun bếp	Kg	30.0	40.000	1.200.000	
10	Bánh rán	Cái	1185.0	3.000	3.555.000	
11	Thịt lợn chiên	Kg	52.0	130.000	6.760.000	
12	Bột chiên	Kg	3.0	45.000	135.000	
13	Susu xào	Kg	40.0	17.000	680.000	
14	Cà rốt xào	Kg	10.0	20.000	200.000	
15	Cải ngọt canh	Kg	23.0	17.000	391.000	
16	Cu đậu	Kg	28.0	20.000	560.000	
17	Thịt gà	Kg	60.0	90.000	5.400.000	
18	Đậu phụ	Kg	47.0	25.000	1.175.000	
19	Thịt lợn xay	Kg	4.5	130.000	585.000	
20	Cà chua	Kg	10.0	20.000	200.000	
21	Bí đỏ canh	Kg	28.0	15.000	420.000	
22	Củ đậu	Kg	28.0	20.000	560.000	
23	Nà	Kg	2.1	20.000	42.000	
24	Hành lá	Kg	2.0	45.000	90.000	
25	Ớt	Kg	0.6	45.000	27.000	
					23.700.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

KIỂM NHIỆM KẾ TOÁN CÔNG TY



Vũ Thị Nghĩa

KẾ TOÁN



Đặng Ánh Ngọc



